

# HOÀN THIỆN THỂ CHẾ THÚC ĐẨY LIÊN KẾT VÙNG NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

Perfecting the institution for promoting the regional linkage to improve  
the capacity in the Vietnam's Southern Key Economic Zone

ĐỖ PHÚ TRẦN BÌNH  
NGUYỄN VĂN NÊN

**B**ài viết đánh giá thể chế liên kết vùng tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam dựa trên ba trụ cột: (i) hệ thống pháp luật, chính sách điều chỉnh; (ii) bộ máy thực thi các hệ thống pháp luật, chính sách; (iii) cơ chế, cách thức thực thi. Kết quả cho thấy, ở cấp độ Chính phủ, có rất nhiều văn bản pháp luật để điều chỉnh liên kết vùng tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và ở Hội đồng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cũng đã có những quyết định, nghị quyết để điều phối các hoạt động trong vùng. Tuy nhiên, nhân sự thực hiện và cơ chế điều phối để có thể triển khai được vẫn còn những điểm bất cập, trong đó, tính cục bộ địa phương và nguồn lực thực hiện là những rào cản lớn nhất. Nghiên cứu cũng đã đề xuất các giải pháp và phương án để hoàn thiện thể chế liên kết vùng tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đây chính là cơ sở nền tảng để thúc đẩy liên kết vùng nhằm nâng cao năng lực của Vùng trong thời gian tới.

**Từ khóa:** thể chế, liên kết vùng, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

**T**his paper focuses on assessing the institutions for regional linkage in the Vietnam's Southern Key Economic Zone (SKEZ) based on three pillars: (i) policy system; (ii) law and policy enforcement authority; (iii) mechanism and method for enforcing the policy and law. The results of research reveal that there are many legal documents of the Government to regulate linkages in the SKEZ. Besides, the SKEZ Council has promulgated some policies to coordinate the activities in the region. However, the personnel and mechanism for coordinating the region linkage still have a lot of inadequacies. Of these, financial and human resources and local individuality are the biggest barriers. The study proposes solutions and methods to improve the institution for regional linkage in the SKEZ, which is the basis for promoting regional linkage to improve the capacity of this region in the coming time.

**Keywords:** institution, regional linkage, Vietnam's Southern Key Economic Zone.

## 1. Đặt vấn đề

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam thành lập từ năm 1998, ban đầu gồm sáu tỉnh, thành và hiện nay gồm tám tỉnh, thành là Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh, Long

An và Tiền Giang. Nhiều năm qua, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã đạt được nhiều thành tích nổi bật. Mặc dù chỉ

Đỗ Phú Trần Bình, PGS.TS.; Nguyễn Văn Nên, TS., Trường đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

chiếm 9,2% diện tích và 22,17% dân số của cả nước, nhưng mức tăng trưởng kinh tế gấp hơn 1,5 lần mức bình quân của cả nước, sản xuất hơn 46% GDP cả nước, gần 40% kim ngạch xuất khẩu, thu ngân sách của Vùng chiếm 46% tổng thu ngân sách quốc gia (Tổng cục Thống kê, 2020). Tuy nhiên, so với tiềm năng phát triển của từng địa phương thì khả năng huy động phát triển cho cả vùng có thể cao hơn nếu phát huy được lợi thế của liên kết vùng. Sự phát triển của Vùng vẫn còn những hạn chế sau: liên kết vùng còn yếu mà nguyên nhân chính là thể chế liên kết vùng yếu, thể hiện qua chính sách và các quy định về liên kết vùng chưa đầy đủ và rõ ràng, bộ máy vận hành liên kết vùng thiếu quyền năng và cơ chế thực thi thiếu hiệu quả; việc hình thành và phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hiện nay còn mang tính hành chính chủ quan, khó hình thành tiếng nói chung giữa các tỉnh, thành có lợi ích khác biệt và điều kiện phát triển khác biệt; chính vì thể chế liên kết vùng còn yếu nên công tác tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, của vùng và của cả nước còn chưa đồng bộ và còn tồn tại nhiều yếu kém; cơ chế tài chính đảm bảo cho mục tiêu liên kết vùng chưa định hình rõ nét do thể chế của Vùng chưa phải là một cấp hành chính cụ thể.

Với những bất cập đó, điểm nghẽn chính trong liên kết vùng thời gian qua tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam chính là do chính sách và các quy định về liên kết vùng chưa đủ mạnh; bộ máy điều phối vùng hiện nay còn nhiều điểm bất hợp lý; cơ chế thực thi thiếu hiệu nghiệm. Những điểm nghẽn này là nguyên nhân chính dẫn đến những bất cập tồn tại trong liên kết Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam thời gian qua. Do đó, hoàn

thiện thể chế liên kết vùng tại Vùng là cơ sở nền tảng quan trọng để thúc đẩy liên kết vùng nhằm nâng cao năng lực của vùng trong thời gian tới.

Thể chế là các quy định, chính sách luật pháp; cơ chế thực thi và bộ máy thực hiện. Thể chế được hiểu là những quy định, quy tắc có tính ràng buộc do Nhà nước ban hành được đảm bảo bởi cơ chế thực thi và chủ thể thực thi gắn liền với cơ chế đó. Ở phạm vi của một vùng, với vai trò là một không gian kinh tế thống nhất các yếu tố nội tại tương hỗ, chặt chẽ và không bị chia cắt bởi địa giới hành chính lãnh thổ, thể chế phát triển vùng được hiểu là những quy định, quy tắc có tính ràng buộc do Nhà nước ban hành, được đảm bảo bởi cơ chế thực thi và chủ thể thực thi gắn liền với cơ chế đó, nhằm hướng tới phát huy sức mạnh tổng hợp của vùng trên cơ sở khai thác lợi thế so sánh và phối hợp hiệu quả các nguồn lực của cả vùng kinh tế.

Với cách tiếp cận về thể chế nêu trên, nghiên cứu này sẽ đánh giá thể chế liên kết vùng tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam ở ba trụ cột: hệ thống pháp luật, chính sách điều chỉnh; bộ máy thực thi các hệ thống pháp luật, chính sách; cơ chế, cách thức thực thi các hệ thống pháp luật, chính sách. Ở mỗi trụ cột, sẽ phân tích dưới góc nhìn và dựa trên sự đánh giá của các doanh nghiệp, nhà lãnh đạo, cán bộ địa phương, các nhà khoa học, chuyên gia thông qua phỏng vấn chuyên sâu và các khảo sát diện rộng. Từ đó đưa ra những kết quả tổng hợp, đánh giá để đề xuất những giải pháp và kiến nghị phù hợp.

Phỏng vấn sâu được tiến hành thông qua làm việc trực tiếp với Sở Kế hoạch và đầu tư, Tổ điều phối vùng cấp tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp của các địa trong Vùng

kinh tế trọng điểm phía Nam, các vùng kinh tế trọng điểm trong cả nước trong năm 2019. Khảo sát diện rộng được tiến hành thông qua bảng hỏi khảo sát với 26 tiêu chí đánh giá. Tổng số 236 giám đốc, phó giám đốc các sở, ban, ngành, trường, phó phòng thuộc các sở, ban, ngành, chuyên viên đang làm việc tại các sở, ban, ngành tại các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong năm 2019 đã được khảo sát.

## **2. Kết quả khảo sát về thể chế liên kết vùng tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong thời gian qua**

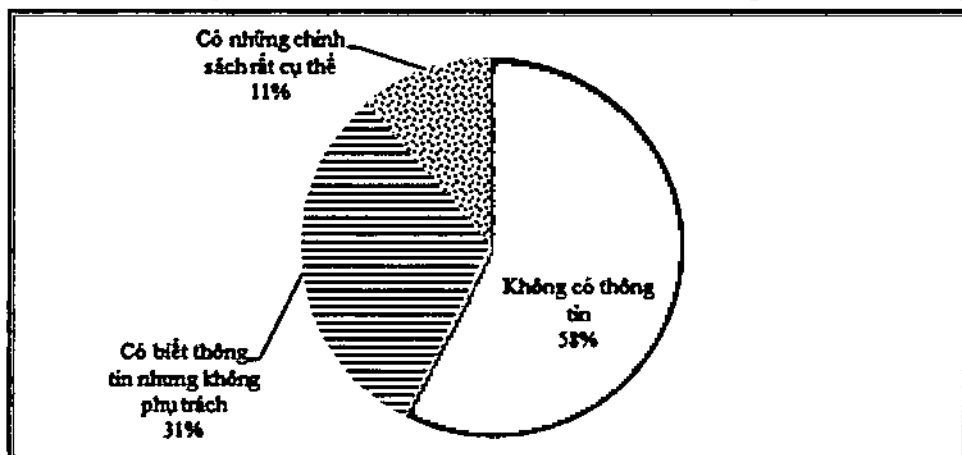
Nhằm có cái nhìn thực tế hơn về các khía cạnh liên quan đến thể chế liên kết vùng tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát các đối tượng đang làm việc tại các sở, ban, ngành tại các địa phương trong

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam thông qua bảng hỏi khảo sát với 26 tiêu chí được đánh giá. Kết quả như sau:

### **2.1. Đánh giá chung những chính sách phát triển vùng tại địa phương**

Kết quả khảo sát cho thấy, có đến 58% đối tượng được khảo sát không nắm thông tin về các chính sách thúc đẩy phát triển liên kết vùng của địa phương mình (hình 1). Kết quả phỏng vấn sâu đối với các địa phương trong Vùng cho thấy, ở cả cấp độ Chính phủ và Hội đồng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đều chưa có những chính sách, pháp luật cụ thể để phát triển vùng kinh tế trọng điểm nói chung và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng. Thực tế chỉ là sự phối hợp song phương của các địa phương dựa trên các quy định hiện hành trong thẩm quyền của các địa phương.

**HÌNH 1: Đánh giá chính sách phát triển theo hướng liên kết vùng**



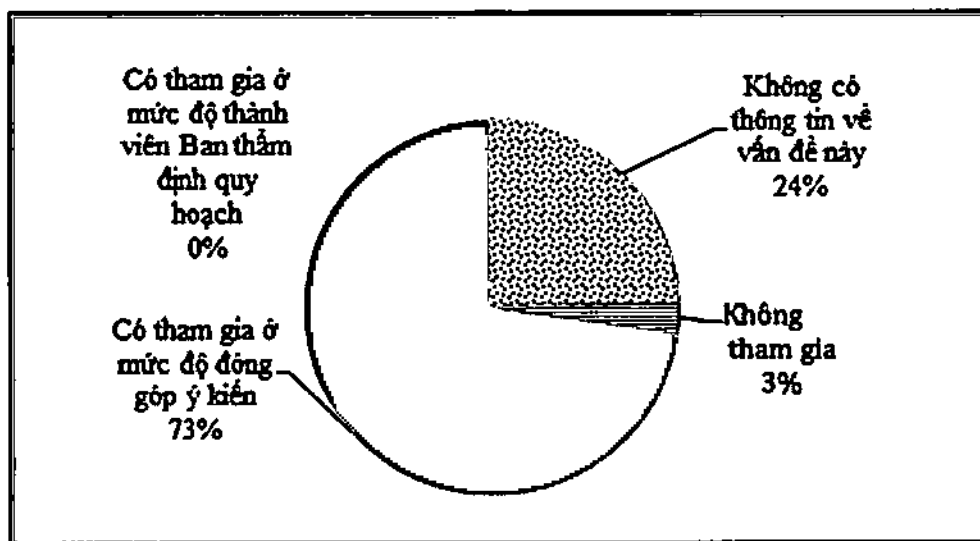
*Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019 của các tác giả.*

### **2.2. Xây dựng và thực hiện quy hoạch vùng**

Khoảng 25% cán bộ ở địa phương không biết là địa phương mình có tham gia vào lập quy hoạch vùng hay không và gần 73% cho biết địa phương họ chỉ tham gia ở mức độ đóng góp ý kiến

(hình 2). Trong khi đó, để vận hành liên kết vùng thì lập quy hoạch vùng với sự tham gia thẩm định, phản biện của các địa phương là bước đi quan trọng đầu tiên. Các hoạt động điều phối liên kết vùng đều phải dựa trên quy hoạch vùng đã được xác định.

HÌNH 2: Mức độ tham gia của các địa phương vào lập quy hoạch vùng

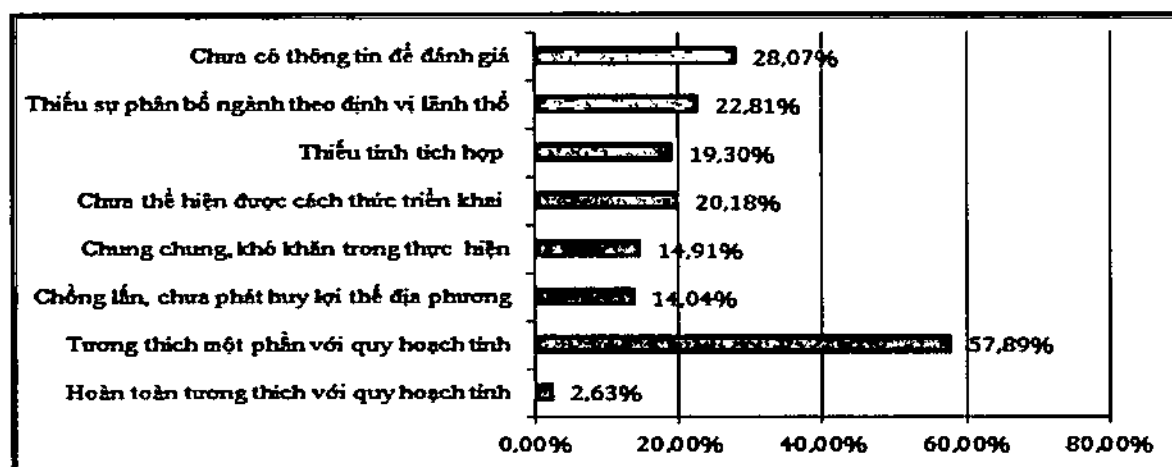


Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019 của các tác giả.

Bên cạnh đó, 58% cán bộ địa phương cho rằng, quy hoạch vùng tương thích một phần với quy hoạch địa phương. Tình trạng chồng lấn của quy hoạch, chưa phát huy được lợi thế của các địa phương, quy hoạch chung chung gây

khó khăn trong thực hiện, thiếu tính tích hợp, thiếu sự phân bổ ngành theo định vị lãnh thổ, chưa thể hiện được cơ chế và cách thức triển khai ở cấp vùng cũng được đánh giá từ mức 14-22% (hình 3).

HÌNH 3: Đánh giá quy hoạch tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam



Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019 của các tác giả.

### 2.3. Chính sách và cơ chế tài chính cho hoạt động của Vùng

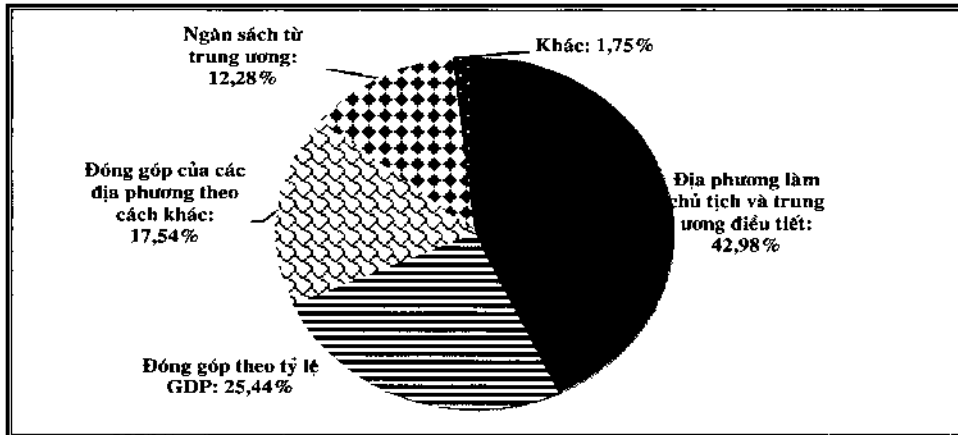
Đa phần các địa phương cần một cơ chế thông thoáng và tự chủ hơn cho

Vùng. Hiện nay Chính phủ vẫn chưa có một cơ chế tài chính nào cho phát triển các vùng kinh tế trọng điểm nói chung và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

nói riêng, ngoài việc quy định địa phương giữ vai trò chủ tịch Hội đồng vùng sẽ chỉ cho các hoạt động của Hội đồng vùng. Trong khi đó, chính sách và cơ chế về tài chính không phải chỉ nằm

ở kinh phí chi cho các hoạt động hội họp và điều phối của Hội đồng vùng, mà là cần có những chính sách đột phá cho đầu tư các dự án giao thông, hạ tầng kết nối vùng.

**HÌNH 4: Đề xuất các phương án tài chính cho hoạt động của Vùng**



Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019 của các tác giả.

#### 2.4. Bộ máy tổ chức và cơ chế điều phối trong thực hiện liên kết vùng

Khảo sát bằng thang đo Likert năm bậc với các tiêu chí liên quan đến cơ

cấu bộ máy tổ của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong thời gian qua, kết quả tổng thể được trình bày trong bảng 1.

**BẢNG 1: Mức độ thuận lợi trong triển khai liên kết vùng**

| Tiêu chí                                                                   | Điểm trung bình | Độ lệch chuẩn |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|
| Cơ cấu tổ chức và hoạt động theo Hội đồng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | 3,01            | 0,71          |
| Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo quốc gia về liên kết vùng      | 2,63            | 0,68          |
| Cơ chế hoạt động của Tổ điều phối vùng cấp tỉnh ở địa phương               | 3,12            | 0,78          |
| Cơ chế điều phối theo Tổ chuyên đề của Hội đồng vùng                       | 3,03            | 0,63          |
| Cơ chế liên hệ công tác, thông tin từ Hội đồng vùng đến địa phương         | 3,43            | 0,58          |
| Triển khai các kết luận của Hội đồng vùng về phát triển vùng               | 3,11            | 0,70          |
| Cơ chế liên hệ công tác, thông tin với Hội đồng vùng từ địa phương         | 3,41            | 0,58          |
| Cách thức điều phối trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam                 | 3,09            | 0,60          |

Ghi chú: 1: hoàn toàn không thuận lợi, 2: không thuận lợi, 3: tương đối thuận lợi, 4: thuận lợi, 5: rất thuận lợi.

Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019 của các tác giả.

Cơ cấu của Ban Chỉ đạo Quốc gia và tổ chức Hội đồng vùng là hai tiêu chí được đánh giá thấp nhất. Ban chỉ đạo hiện nay

hầu như không có vai trò lớn trong sự phát triển và vận hành của các vùng kinh tế trọng điểm (kể cả Vùng kinh tế trọng điểm

phía Nam), bởi hầu hết các ý kiến của vùng cuối cùng đều phải thông qua các bộ chuyên ngành và thực hiện theo pháp luật hiện hành, chưa có cơ chế đặc thù nào cho các vùng kinh tế trọng điểm. Riêng Hội đồng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với cơ cấu và cách thức hiện tại, cũng khó khăn trong quá trình điều phối vì không có những thực quyền nhất định.

Cơ chế điều phối của Tổ điều phối chuyên đề được đánh giá thấp hơn Tổ điều phối cấp tỉnh. Kết quả này cũng đã được dự báo trước khi mà Tổ điều phối chuyên đề hiện nay bao gồm những thành viên của các địa phương khác nhau, được ra quyết định thành lập bởi Chủ tịch Hội đồng vùng với con dấu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nên tính hiệu triệu và cơ chế chịu trách nhiệm chưa cao. Do đó, cơ chế điều phối, phối hợp của bộ phận này khó phát huy tác dụng.

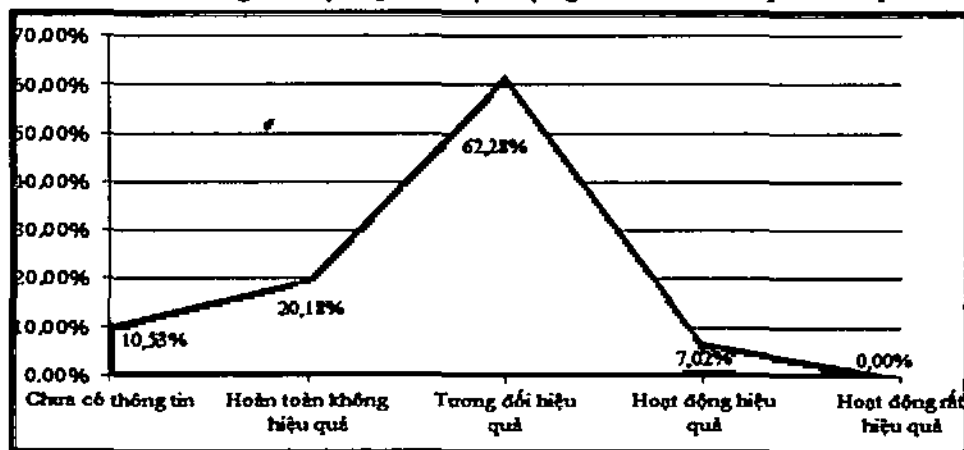
Việc triển khai các kết luận của Hội đồng vùng và cách thức điều phối trong vùng cũng được đánh giá thuận lợi ở mức trên trung bình với điểm trung bình lần lượt là 3,12 và 3,09. Thực tế trong thời gian qua, tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cũng không có quá nhiều các hoạt động và kết luận, nghị quyết được phối hợp thực hiện.

Đối với chức danh Chủ tịch Hội đồng vùng, khoảng 78% cán bộ tại địa phương cho rằng, cơ chế luân phiên Chủ tịch Hội đồng vùng hiện nay theo quy định của Chính phủ chưa phù hợp với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Điều này có nghĩa là họ ủng hộ phương án Chủ tịch Hội đồng vùng không nên theo cơ chế luân phiên mà nên giao cho Thành phố Hồ Chí Minh như hiện nay để đảm bảo tính nhất quán và xuyên suốt. Khảo sát ý kiến về đề xuất một cơ chế khác cho Chủ tịch Hội đồng vùng, kết quả cho thấy hơn 47% đồng ý với cơ chế do Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh phụ trách, 30% đồng ý với cơ chế do Phó Thủ tướng phụ trách, khoảng 21% đồng ý với cơ chế do một địa phương trong vùng phụ trách.

### **2.5. Hiệu quả hoạt động của tổ điều phối cấp tỉnh**

Kết quả khảo sát tại các địa phương cho thấy, các Tổ điều phối cấp tỉnh không hoạt động thường xuyên, thậm chí tại một số địa phương, tổ chưa từng nhóm họp trong năm. Lý do được đưa ra là không có nội dung để triển khai các cuộc họp, điều này đặt ra bài toán trong thời gian tới là Vùng phải xác định được cụ thể các vấn đề cần hợp tác, liên kết và điều phối thực hiện.

**HÌNH 5: Đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ điều phối cấp tỉnh**



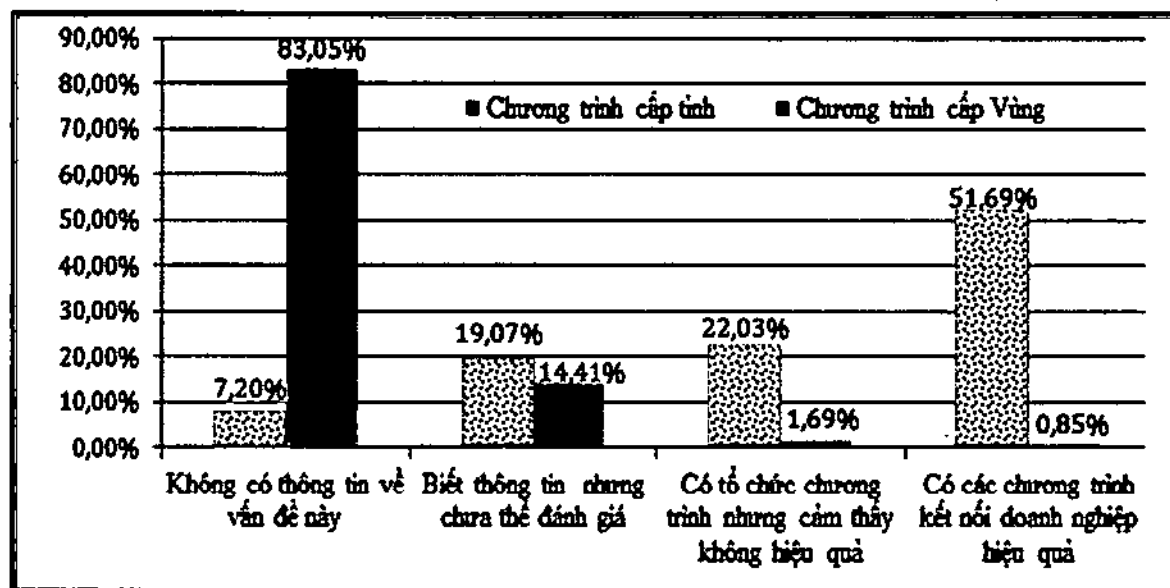
*Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019 của các tác giả.*

## 2.6. Các chương trình kết nối doanh nghiệp

Các chương trình kết nối doanh nghiệp ở cấp độ vùng là một bức tranh tương phản so với đánh giá về các chương trình kết nối doanh nghiệp cấp tỉnh do các địa phương tự tổ chức. Rõ ràng các

địa phương hiện nay vẫn mang tư tưởng phát triển cục bộ, chưa chú trọng vào việc liên kết để xây dựng các chính sách và chương trình kết nối doanh nghiệp, phân bổ và thu hút đầu tư dựa trên phát triển những lợi thế so sánh của từng địa phương.

**HÌNH 6: Đánh giá các chương trình kết nối doanh nghiệp**



*Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019 của các tác giả.*

## 3. Đánh giá thể chế liên kết vùng tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

### 3.1. Chủ trương của Đảng, hệ thống pháp luật, chính sách cho phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Thời gian qua, Chính phủ, các bộ ngành trung ương và chính quyền địa phương một số tỉnh, thành không ngừng quan tâm đến vấn đề liên kết phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Hàng loạt chính sách và văn bản pháp quy được ban hành nhằm tăng cường hoạt động điều phối và nâng cao hiệu quả liên kết nội vùng. Bước đầu, các văn bản pháp luật này đã tạo nền tảng phù hợp để Vùng

kinh tế trọng điểm phía Nam thành lập Hội đồng vùng, tổ chức điều phối các hoạt động nhằm phát triển kinh tế - xã hội trong vùng. Dù vậy, việc ban hành các chính sách, pháp luật điều chỉnh về liên kết vùng trong thời gian qua vẫn còn những hạn chế nhất định sau:

*Một là*, văn kiện Đại hội Đảng XII đã nêu rõ quan điểm về phát triển kinh tế vùng và liên vùng. Tuy nhiên, quá trình liên kết phát triển giữa các địa phương trong Vùng còn chậm, bởi hệ thống pháp luật từ Hiến pháp đến các luật có liên quan đều chưa có những quy định cụ thể về liên kết vùng.

*Hai là*, Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định các hoạt động thuộc

thẩm quyền giải quyết từ hai tỉnh trở lên trong Vùng phải được điều chỉnh từ những văn bản pháp luật từ Nghị định Chính phủ trở lên, trong khi thời gian qua chưa có nhiều văn bản có tính pháp lý như trên để có thể triển khai các liên kết.

*Ba là*, các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam vẫn phải tuân thủ các pháp luật hiện hành đối với các hoạt động thuộc thẩm quyền của địa phương, nhiều hoạt động chiến lược để phát triển Vùng không thể thực hiện được, vì không được quy định rõ ràng từ các pháp luật liên quan. Các địa phương chỉ có thể triển khai thực hiện các dự án, xúc tiến trong phạm vi hành chính địa phương mình.

*Bốn là*, pháp luật tại thời điểm lập quy hoạch vùng trước đây chưa yêu cầu đảm bảo sự tích hợp giữa quy hoạch kinh tế - xã hội với quy hoạch ngành kinh tế cụ thể, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, vùng nguyên liệu, nguồn nhân lực, môi trường..., dẫn đến nội dung quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hiện nay còn chung chung và thiếu tính khả thi.

*Năm là*, quy định và hướng dẫn về thành lập Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm theo Quyết định 941/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ còn nhiều điểm chưa phù hợp, dẫn đến việc bộ máy tổ chức khi hình thành theo quyết định này trong quá trình vận hành còn gặp nhiều khó khăn. Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm trên thực tế còn thiếu cơ chế, chế tài và không đảm bảo nguồn kinh phí để hoạt động, không có thực quyền cả về quyền hành chính và quyền phân bổ nguồn lực, nên khó khăn trong

triển khai điều phối các hoạt động liên kết vùng.

*Sáu là*, quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm của Quyết định số 2360/QĐ-TTg ngày 25 - 6 - 2015 của Thủ tướng Chính phủ chưa cụ thể hóa được phương án phối hợp giữa các địa phương. Các cơ quan thực hiện điều phối chủ yếu được giao nhiệm vụ phối hợp hơn là nhiệm vụ điều phối. Họ không được trao quyền và nguồn lực cần thiết để thực thi chức năng của mình.

*Bảy là*, Vùng chưa ban hành các quy chế cụ thể để triển khai quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm theo Quyết định số 2360/QĐ-TTg của Thủ tướng sao cho phù hợp với thực tế tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Điều này dẫn đến các địa phương còn lúng túng trong phối hợp để phát triển.

*Tám là*, Vùng chưa có sự thống nhất giữa các địa phương trong việc ban hành Quyết định thành lập tổ điều phối về liên kết vùng cấp tỉnh. Một số địa phương ban hành quyết định thành viên của tổ điều phối là chức danh, trong khi một số địa phương ban hành quyết định là tên của cá nhân, một số địa phương khác lại quyết định thành viên của Tổ điều phối là tên đơn vị. Sự chưa thống nhất về tên gọi, cách thức điều động nhân sự trong tổ đã gây khó khăn trong quá trình vận hành.

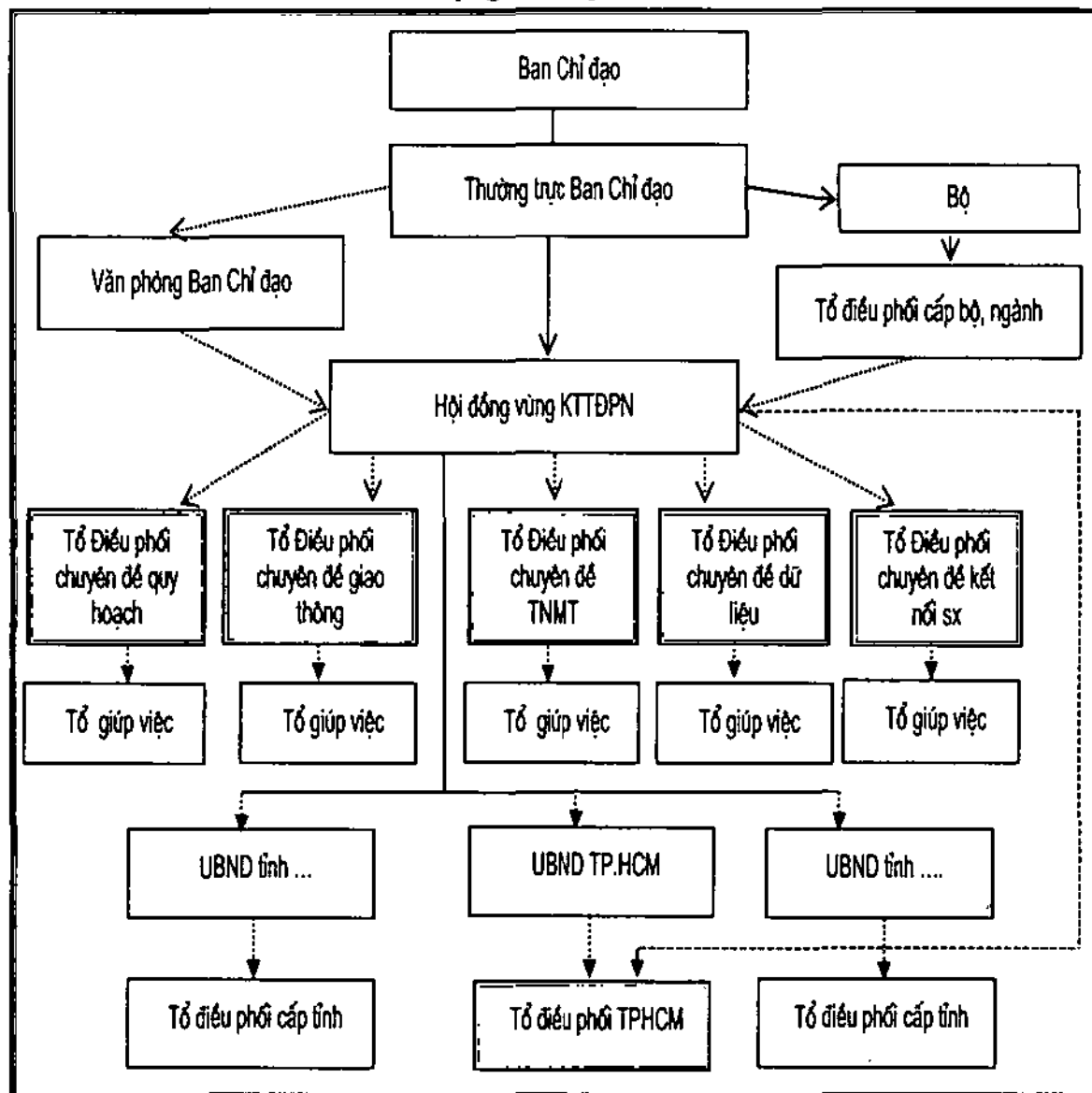
### **3.2. Bộ máy điều phối của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**

Dựa trên Quyết định số 941/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020, Thủ tướng Chính phủ đã ra

Quyết định số 2059/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2015 về việc thành lập ban chỉ đạo, hội đồng vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020. Vùng kinh tế

trọng điểm phía Nam dựa trên các quyết định này cùng với những đặc điểm đặc thù của Vùng đã thành lập và vận hành bộ máy điều phối của Vùng (hình 7).

**HÌNH 7: Cơ cấu Ban chỉ đạo vùng kinh tế trọng điểm và Hội đồng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**



*Nguồn: Tổng hợp của các tác giả.*

So với cơ cấu theo quyết định của Chính phủ, Hội đồng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam còn thành lập các Tổ điều phối chuyên đề và Tổ giúp việc

cho các Tổ điều phối chuyên đề để giải quyết những vấn đề có tính chất chuyên môn. Tuy nhiên, bộ máy điều phối các vùng kinh tế trọng điểm theo quyết

định của Chính phủ và bộ máy điều phối được vận hành tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong thời gian quan nhìn chung còn những bất cập sau:

*Một là*, Ban Chỉ đạo là tổ chức phối hợp liên ngành giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu chỉ đạo, đôn đốc, phối hợp giải quyết các vấn đề quan trọng có tính chất liên ngành, liên vùng có liên quan đến phát triển các vùng kinh tế trọng điểm. Theo đó, Ban Chỉ đạo chỉ đề xuất cơ chế chính sách và giúp Thủ tướng mà không có quyền quản lý điều hành trực tiếp hoạt động của các vùng kinh tế trọng điểm. Trong khi đó, người chỉ đạo và điều hành trực tiếp vẫn là Thủ tướng, điều này không khác gì so với việc chỉ đạo các tỉnh, các ngành khác ngoài vùng kinh tế trọng điểm.

*Hai là*, Tổ điều phối cấp bộ chưa phát huy rõ vai trò của mình, hoạt động chưa thường xuyên, thiếu chủ động, nhiều vấn đề vượt quá thẩm quyền. Nhiều vấn đề Hội đồng vùng đề xuất vẫn vượt thẩm quyền giải quyết của tổ này và vẫn phải thực hiện theo các trình tự pháp luật hiện hành.

*Ba là*, Hội đồng vùng không phải là một cấp hành chính trung gian nên không có quyền hành đủ mạnh để đảm bảo chỉ đạo buộc các tỉnh thành phải tuân thủ. Hội đồng chỉ đóng vai trò cầu nối phối hợp giữa các tỉnh hơn là đóng vai trò điều phối. Bản thân Chủ tịch Hội đồng vùng phải sử dụng con dấu và ngân sách của địa phương mình trong quá trình điều phối.

*Bốn là*, các Tổ điều phối chuyên đề được thành lập nhân danh của chủ tịch Hội đồng vùng và bao gồm các thành viên từ các địa phương trong vùng. Về tổ chức nhân sự, việc thành lập các Tổ

điều phối chuyên đề vướng về nguyên tắc tổ chức khi quyết định thành lập lại sử dụng con dấu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng nhân sự được lấy từ lãnh đạo ngành địa phương khác. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến quá trình giao việc và cơ chế chịu trách nhiệm khi triển khai công việc.

*Năm là*, các Tổ giúp việc lại được thành lập dựa trên quyết định của Tổ trưởng tổ điều phối chuyên đề và bao gồm nhân sự của các địa phương khác nhau, nên thực tế khả năng điều động và giao việc cho các thành viên trong Tổ giúp việc để triển khai là khó khả thi.

*Sáu là*, hầu hết các nhân sự trong các Tổ điều phối và Tổ giúp việc đều là các thành viên kiêm nhiệm của các đơn vị sở, ngành của các địa phương, nên không đủ thời gian và nguồn lực để thực hiện các công việc chung của Vùng khi mà cơ chế phối hợp và chịu trách nhiệm chưa rõ ràng.

### **3.3. Cơ chế điều phối, thực thi các chính sách tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**

Với những chính sách đã ban hành và bộ máy tổ chức đã xây dựng, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong thời gian qua cũng đã có những hành động nhất định trong việc điều phối các hoạt động về liên kết trong. Tuy nhiên, cơ chế điều phối và quá trình điều phối tại Vùng trong thời gian qua vẫn dựa trên cơ sở Quyết định số 941 và Quyết định số 2059 của Thủ tướng Chính phủ mà không ban hành một quy chế điều phối riêng phù hợp với đặc điểm của Vùng, cơ bản còn gặp phải những bất cập và rào cản sau:

*Một là*, ranh giới địa lý vùng ngày càng được mở rộng và chưa thật sự có ý

nghĩa trong liên kết kinh tế. Sự liên kết của vùng trong thời gian qua hầu như là sự cộng gộp sự liên kết song phương giữa các địa phương trong vùng với nhau. Cơ sở để mở rộng vùng kinh tế trọng điểm cũng chưa được xác định rõ nên chưa thể xây dựng cơ chế điều phối phù hợp.

*Hai là*, Vùng thiếu sự hỗ trợ bởi những chính sách cần thiết. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam mặc dù được xác định là có vị trí đầu tàu trong phát triển kinh tế và đóng góp lớn nhất vào sự phát triển kinh tế - xã hội cả nước, nhưng trong quá trình hoạt động vẫn phải tuân thủ những pháp luật liên quan, trong khi đó thực hiện những dự án liên kết vùng cần thiết phải có những quy định vượt ra khỏi khuôn khổ pháp luật hiện tại.

*Ba là*, Vùng thiếu ngân sách thực hiện các dự án mang tính chất nội vùng và các hoạt động của toàn vùng. Ngân sách thực hiện các dự án được quản lý và điều phối ở quy mô cấp vùng hiện nay vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn phát triển. Bên cạnh đó, tỷ lệ nộp ngân sách trung bình của đa số các tỉnh trong Vùng đều cao hơn nhiều so với mặt bằng chung cả nước.

*Bốn là*, Vùng thiếu công cụ điều tiết đủ quyền năng. Bộ máy của Hội đồng vùng hiện nay không phải là một cấp hành chính. Các quyết định, nghị quyết của Hội đồng vùng cũng chỉ mang tính chất khuyến khích thực hiện mà không có cơ chế ràng buộc. Bên cạnh đó, một số đơn vị được thành lập bởi Hội đồng vùng chưa thể vận hành được vì cơ chế phối hợp giữa các địa phương và phân định trách nhiệm chưa rõ ràng.

*Năm là*, các nội dung điều phối của Vùng còn quá rộng, vượt quá tầm kiểm

soát và điều tiết của Hội đồng vùng, trong khi cách thức tổ chức bộ máy hiện nay chưa đủ thực quyền. Do đó, các địa phương trong Vùng gặp phải nhiều vấn đề và lúng túng khi triển khai các hoạt động.

*Sáu là*, chưa phát huy được vai trò và thẩm quyền ra quyết định của Ban Chỉ đạo và Hội đồng vùng. Các nội dung đều phải thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, mà trưởng Ban Chỉ đạo là Phó Thủ tướng cũng không thể vượt quá. Do vậy, hầu như các địa phương đều thực hiện theo đúng nhiệm vụ của địa phương mình, việc phối hợp giữa các địa phương trong Vùng chỉ là sự liên kết phát triển riêng lẻ giữa các địa phương.

#### **4. Đề xuất giải pháp và phương án tổ chức bộ máy điều phối thúc đẩy liên kết vùng để nâng cao năng lực cạnh tranh Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**

##### **4.1. Giải pháp về xây dựng các chính sách để thúc đẩy liên kết vùng**

Chính sách phát triển vùng kinh tế trọng điểm có vai trò rất lớn, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến trật tự về mặt không gian của nền kinh tế trong khuôn khổ một vùng lãnh thổ nhất định của quốc gia. Vì vậy, ngoài việc đảm bảo sự nhất quán ngay từ khi hoạch định, các chính sách phát triển vùng phải đảm bảo tính thống nhất của một không gian kinh tế và không bị chia cắt bởi các đơn vị hành chính. Nhà nước cần ban hành chính sách phát triển vùng kinh tế trọng điểm sau khi xác định lại quy mô, ranh giới và phạm vi vùng kinh tế trọng điểm. Các chính sách mới xây dựng cần chú ý những điểm sau:

*Thứ nhất*, xây dựng chính sách thu hút đầu tư có trọng tâm trọng điểm vào các “ngành động lực” có sức lan tỏa, giúp hình thành các cụm nhóm ngành tương hỗ phát triển cho cả vùng trọng điểm. Trên cơ sở đó, pháp điển hóa thành các quy định mang tính ràng buộc các chủ thể tuân thủ để đảm bảo tính thống nhất và kết nối bền vững nội tại của Vùng.

*Thứ hai*, cần nhanh chóng ban hành các quy định pháp luật hướng dẫn hoàn thiện và xử lý để đảm bảo quy hoạch của địa phương đáp ứng được yêu cầu về tính tích hợp và phù hợp với quy hoạch Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam theo yêu cầu của Luật Quy hoạch mới hiện hành. Khẩn trương rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung quy hoạch trọng điểm theo hướng tích hợp, trên cơ sở phân định khoa học lại vùng “trọng điểm”.

*Thứ ba*, quy hoạch tích hợp vùng kinh tế trọng điểm phải chú ý đến việc phân bố cụ thể ngành kinh tế theo lãnh thổ gắn liền với lợi thế so sánh, đặc thù điều kiện tự nhiên - xã hội, hạ tầng kinh tế - xã hội, giao thông, tài nguyên và môi trường, đặc biệt là các “ngành kinh tế động lực” có hiệu ứng lan tỏa tạo thành cụm, nhóm ngành tương hỗ phát triển trong không gian kinh tế thống nhất của vùng.

*Thứ tư*, Trung ương cần ban hành chính sách có tính ràng buộc nhằm hài hòa và xóa bỏ rào cản do khác biệt bất hợp lý về địa giới hành chính. Cụ thể, cần có những quy định để các địa phương thống nhất trong việc xác định giá đất ở khu vực giáp ranh giữa các tỉnh, thành; hay chính sách hỗ trợ nhằm đồng bộ hóa hạ tầng kỹ thuật kết nối giữa các địa phương nhưng không

thuộc quyền quản lý của các bộ, ngành; đảm bảo sử dụng hợp lý tài nguyên nước, đất và vấn đề môi trường.

*Thứ năm*, cần tích cực thúc đẩy các địa phương trong vùng xây dựng và hoàn thiện dữ liệu vùng phục vụ cho việc quy hoạch vùng, cũng như hỗ trợ địa phương liên kết vùng, giúp doanh nghiệp có nguồn thông tin thực hiện hoạt động đầu tư.

#### **4.2. Phương án về hoàn thiện bộ máy và cơ chế thực thi**

Quá trình vận hành và điều phối các hoạt động về liên kết vùng tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong thời gian qua cho thấy, bộ máy tổ chức, cơ chế điều phối và những quy định cần có những điều chỉnh cần thiết để phù hợp hơn với tình hình thực tế. Phương án về tổ chức bộ máy và cơ chế thực thi tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam được đề xuất là:

##### **a) Đối với bộ máy tổ chức và nhân sự**

Đối với Hội đồng vùng, để tổ chức và giám sát thực hiện chính sách, pháp luật, cần có một bộ máy hành chính để điều phối thực hiện. Trước hết, đây là một cơ quan công quyền có đầy đủ quyền năng để đảm bảo thực hiện. Tuy nhiên, cơ quan này nằm ở vị trí nào trong bộ máy nhà nước được điều chỉnh bởi các quy định hiện nay, khi mà các chính quyền địa phương có quyền năng trên phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý độc lập với địa phương khác và phía trên cơ quan hành pháp ở địa phương lại chỉ có thể là Chính phủ. Việc hình thành một cơ quan trung gian nắm quyền quản lý vùng cũng đang gặp phải nhiều vướng mắc trong bối cảnh cải cách hành chính và xung đột quyền với bộ, ngành liên quan đã được pháp luật quy định. Do vậy, ở cấp

độ Hội đồng vùng, cơ cấu tổ chức và điều chỉnh nhân sự trong thời gian tới nên được tổ chức lại như sau:

Về vị trí, vai trò của Hội đồng vùng, cần chấm dứt hoạt động của Ban Chỉ đạo hiện nay. Nâng cao vị trí, vai trò của Hội đồng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Theo đó, Hội đồng vùng kinh tế trọng điểm được thành lập như một cơ quan chuyên trách thuộc Chính phủ. Cơ quan này do Chính phủ quyết định thành lập mà không phải thông qua Quốc hội, thực hiện nhiệm vụ mà Chính phủ giao cho. Do vậy, rất thuận lợi về thủ tục pháp lý, không cần phải sửa Hiến pháp hay Luật chính quyền địa phương và các văn bản pháp luật có liên quan như giải pháp thành lập cấp hành chính trung gian. Đồng thời, cơ quan này chỉ thực hiện chức năng điều phối trong phạm vi Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, không ảnh hưởng nhiều đến quyền của chính quyền địa phương và quyền của các bộ, ngành. Với vai trò là một cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có vị trí, vai trò phù hợp với quy định tại điều 2 của Nghị định số 10/2016/NĐ-CP và có nhiệm vụ phù hợp với quy định ở điều 3 Nghị định số 10/2016/NĐ-CP. Khi đó, Hội đồng vùng kinh tế trọng điểm có tư cách pháp nhân độc lập, có con dấu riêng, được cấp và sử dụng ngân sách.

Về cơ cấu thành viên Hội đồng vùng, Hội đồng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cần do một ủy viên Bộ Chính trị (là bí thư một địa phương trong vùng) làm Chủ tịch Hội đồng vùng. Cụ thể hiện nay giao cho đồng chí ủy viên Bộ Chính trị - Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh phụ

trách. Các thành viên khác là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành, lãnh đạo một số bộ, ngành và một số thành viên chuyên trách. Trong đó, bổ nhiệm một thành viên chuyên trách làm Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng vùng. Tùy thuộc vào tình hình thực tế mà thành viên chuyên trách này được Trung ương điều động theo chính sách và quy định hiện hành mà không nhất định phải ở một cơ quan cụ thể. Việc tồn tại Phó Chủ tịch Hội đồng vùng chuyên trách giúp cho hoạt động của Hội đồng được diễn ra xuyên suốt đúng chức năng là một cơ quan chuyên trách thường xuyên. Sự tham gia của Chủ tịch các tỉnh, thành trong vùng kinh tế trọng điểm vào Hội đồng vùng kinh tế trọng điểm đảm bảo cho tiếng nói của các địa phương được thống nhất ngay từ thời điểm quyết định chính sách đến truyền đạt và chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Hội đồng vùng ở địa phương mình. Với vị trí là ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng vùng sẽ thuận lợi hơn trong quá trình triển khai chủ trương của Đảng đến các địa phương, chuyển tải các ý kiến của địa phương về Trung ương, cũng như giám sát các địa phương tuân thủ các nghị quyết của Hội đồng vùng.

Văn phòng Hội đồng vùng cần đóng vai trò là đầu mối tiếp nhận, quản lý hồ sơ, tài chính, con dấu, thực hiện các chức năng giống như văn phòng các cơ quan chuyên trách khác. Về nhân sự, văn phòng gồm những thành viên chuyên trách. Tùy thuộc vào tình hình nhân sự thực tế mà thành viên chuyên trách này được điều động theo chính sách và quy định hiện hành hoặc tuyển dụng mới, trên tinh thần tinh gọn và hiệu quả.

Cơ cấu tổ chức và điều chỉnh nhân sự đối với các tổ điều phối cần được tổ chức lại như sau:

- Giải thể các Tổ điều phối chuyên đề, Tổ giúp việc cho Tổ điều phối chuyên đề và nâng cao vai trò của Tổ điều phối cấp tỉnh. Tổ điều phối cấp tỉnh sẽ là đơn vị điều phối liên quan đến các nội dung chuyên ngành mà Tổ điều phối chuyên đề hiện nay đang phụ trách. Cơ chế điều phối cần được làm rõ để có thể khả thi khi tổ chức thực hiện.

- Để tăng thực quyền cho Tổ điều phối cấp tỉnh, thì tổ trưởng nên phân công là một Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, thành phụ trách, tổ phó nên là Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư. Với cách thức này, tổ trưởng sẽ có thực quyền và vai trò điều phối, chỉ đạo cao hơn đối với các thành viên trong tổ trong quá trình điều phối, phân công công việc và cơ chế chịu trách nhiệm cũng sẽ rõ ràng hơn. Các thành viên trong tổ vẫn giữ nguyên là các lãnh đạo của các sở, ngành có liên quan của địa phương. Thực tế, các thành viên trong tổ này cũng chính là các thành viên trong tổ điều phối chuyên đề hiện nay. Do đó, các Tổ điều phối chuyên đề mặc dù được giải thể nhưng các hoạt động vẫn được triển khai (theo một cơ chế điều phối khác, được thể hiện rõ trong phần cơ chế điều phối).

- Đảm bảo phân công một nhân sự chuyên trách về liên kết vùng ở mỗi Tổ điều phối cấp tỉnh nhằm thực hiện công tác thông tin, kết nối, báo cáo và giúp việc cho tổ trưởng trong quá trình điều phối các hoạt động liên kết vùng.

Với việc tổ chức như trên, sẽ đảm bảo nguyên tắc nhân sự của địa phương nào do địa phương đó điều động, phân công

nhiệm vụ và nhân sự đó sẽ chịu trách nhiệm trực tiếp với cấp trên tại địa phương mình. Với cách thức tổ chức này đòi hỏi lãnh đạo cao nhất của địa phương và lãnh đạo của các đơn vị chuyên ngành của địa phương phải thật sự chủ động và quyết tâm trong quá trình chỉ đạo và phối hợp tổ chức.

Về Tổ điều phối cấp bộ, thực chất trong thời gian qua, tổ này chưa phát huy hiệu quả, bởi lẽ các vấn đề Hội đồng vùng đề xuất vượt thẩm quyền giải quyết của tổ này và vẫn phải thực hiện theo các pháp luật hiện hành. Do đó, có thể giải thể Tổ điều phối cấp bộ, các vấn đề phát sinh từ vùng sẽ do Hội đồng vùng làm việc trực tiếp với các bộ chuyên ngành để giải quyết theo pháp luật hiện hành.

### *b) Cơ chế điều phối và phối hợp*

*Một là*, về quan điểm, Hội đồng vùng kinh tế trọng điểm có quyền ban hành chính sách và tham gia ý kiến vào quá trình xét phân bổ ngân sách địa phương, giám sát và trình Thủ tướng xử lý Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, xử lý vi phạm quy hoạch vùng hay ban hành chính sách riêng biệt đi ngược lại lợi ích chung của vùng. Chính sách riêng của địa phương không được trái với chính sách chung của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Hội đồng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam được Chính phủ trao quyền quản lý, quyết định các dự án kết nối nội vùng theo cơ chế tản quyền.

*Hai là*, về cơ chế điều phối chung, Hội đồng vùng sẽ là một cơ quan chuyên trách trực thuộc Chính phủ và có bộ phận văn phòng riêng. Vùng cũng không tổ chức các Tổ điều phối chuyên đề và tổ giúp việc, mà theo đó cần nâng cao vai trò và hoạt động của Tổ điều

phối cấp tỉnh hơn. Tuy nhiên, cơ chế điều phối này cũng cần được Chính phủ điều chỉnh cụ thể, chi tiết hóa và ban hành thành quyết định về quy chế điều phối, phối hợp tại vùng kinh tế trọng điểm. Trong đó, cách thức thông tin và làm việc giữa các cơ quan, địa phương trong vùng với Hội đồng vùng cần được xác định rõ ràng.

Ba là, về cơ chế điều phối của Tổ điều phối cấp tỉnh, phương án tổ chức này không tồn tại các Tổ điều phối chuyên đề và Tổ giúp việc. Tuy nhiên, về thực tế, thành viên của hai tổ này ở mỗi địa phương sẽ thuộc Tổ điều phối cấp tỉnh của địa phương đó (trước đây thành viên của các Tổ điều phối cấp tỉnh cũng gần như là thành viên của các tổ chuyên đề). Khi đó, hoạt động điều phối nhằm thực hiện các công việc liên kết theo chuyên ngành (công việc của Tổ điều phối chuyên đề trước đây) cũng sẽ được thực hiện nhưng sẽ được điều hành theo một cách khác như sau:

- Các vấn đề điều phối chuyên ngành được các Tổ điều phối cấp tỉnh của các địa phương đề xuất và văn phòng Hội đồng vùng làm nhiệm vụ tổng hợp theo từng ngành để tìm ra điểm chung và làm cơ sở cho Hội đồng vùng nhóm họp, quyết định các vấn đề cần điều phối thực hiện trong ngắn hạn hoặc dài hạn.

Tại hội nghị của Hội đồng vùng theo định kỳ, Hội đồng vùng sẽ ban hành nghị quyết giao cho Tổ điều phối cấp tỉnh của một địa phương làm tổ trưởng để điều phối một vấn đề mà Hội đồng vùng đã quyết định thực hiện.

- Tổ điều phối cấp tỉnh được giao nhiệm vụ làm tổ trưởng có trách nhiệm liên kết các tổ điều phối các tỉnh khác với cơ chế thông tin và làm việc đã xác định như trên để thực hiện vấn đề được

giao. Tất cả các tổ trưởng Tổ điều phối cấp tỉnh đều chịu trách nhiệm ngang nhau trước chủ tịch Hội đồng vùng.

- Tổ trưởng Tổ điều phối cấp tỉnh các địa phương sẽ giao trách nhiệm cho thủ trưởng đơn vị sở, ngành trực tiếp chịu trách nhiệm phối hợp cùng các địa phương khác thực hiện điều phối chuyên đề được giao (thực chất tất cả các nhân sự này đều là thành viên của Tổ điều phối cấp tỉnh được thành lập bởi ủy ban nhân dân tỉnh nên quá trình giao nhiệm vụ sẽ thuận lợi hơn).

Bốn là, về điều tiết, sử dụng nguồn vốn. Hai vấn đề lớn trong việc điều tiết nguồn vốn trong quá trình vận hành liên kết vùng tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là vốn đầu tư công và vốn hoạt động thường xuyên của vùng. Giải pháp đặt ra đối với điều tiết hai nguồn kinh phí này là:

- Đối với đầu tư công, thay vì giảm tỷ lệ điều tiết về Trung ương cho các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, thì Nhà nước sẽ giữ lại phần ngân sách đó tại Trung ương và ưu tiên đầu tư cho các dự án thúc đẩy liên kết vùng tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tuy nhiên, nguồn vốn này sẽ giao cho Hội đồng vùng làm chủ đầu tư để thực hiện các dự án phục vụ cho phát triển cả vùng.

- Đối với tài chính hoạt động thường xuyên, một phần từ đóng góp của các địa phương để tạo sự công bằng. Mức đóng góp có thể do các địa phương thỏa thuận hoặc dựa trên GDP của các địa phương mà phân chia tỷ lệ đóng góp cho phù hợp. Phần khác do Trung ương cấp từ nguồn ngân sách giữ lại thay vì giảm tỷ lệ điều tiết cho các tỉnh trong vùng.

## **5. Kết luận**

Có thể thấy, điểm nghẽn chính trong liên kết vùng thời gian qua tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là do chính sách và các quy định về liên kết vùng chưa đủ mạnh; bộ máy điều phối vùng hiện nay còn nhiều điểm bất hợp lý; cơ chế thực thi thiếu hiệu nghiệm. Những điểm nghẽn này là nguyên nhân chính dẫn đến những bất cập tồn tại trong liên kết Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam thời gian qua. Việc hoàn thiện thể chế liên kết vùng tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cần dựa trên nền tảng ba trụ cột chính sách pháp luật, bộ máy thực thi và cơ chế thực thi./.

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Chính phủ (2016), Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 - 02 - 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ.

2. Thủ tướng Chính phủ (2015), Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 25 - 06 - 2015 về việc thành lập Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020.

3. Thủ tướng Chính phủ (2015), Quyết định số 2059/QĐ-TTg ngày 24 - 11 - 2015 về việc thành lập Ban Chỉ đạo, Hội đồng vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020.

4. Thủ tướng Chính Phủ (2015), Quyết định số 2360/QĐ-TTg ngày 22 - 12 - 2015 về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020.

5. Tổng cục Thống kê (2020), Niên giám thống kê năm 2019.

---

|                    |            |
|--------------------|------------|
| Ngày nhận bài:     | 10-06-2021 |
| Ngày nhận bản sửa: | 14-06-2021 |
| Ngày duyệt đăng:   | 17-06-2021 |